

Bản án số: 22/2019/HS-ST
Ngày 22 - 10 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Đình Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đăng Ban

Ông Vũ Đình Bình

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại Nhà văn hóa xã Đ, huyện P; Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên mở phiên sơ thẩm công khai xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2019/TLHS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Phạm Phú T, sinh năm 1989 tại: Th, Th1, Hải Dương; nơi cư trú: Thôn T1, xã Th, huyện Th1, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Phú Q và bà Bùi Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ ngày 25/6/2019; tạm giam ngày 01/7/2019; hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện P, tỉnh Hưng Yên “có mặt”.

Bị hại: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1960; trú tại: Thôn Đ1, xã Đ2, huyện P, tỉnh Hưng Yên “vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt”.

Người có quyền lợi liên quan đến vụ án: Ông Phạm Phú Q, sinh năm 1962 và bà Bùi Thị H, sinh năm 1963 (bố, mẹ bị cáo T); đều trú tại: Thôn T1, xã Th, huyện Th1, tỉnh Hải Dương “đều có mặt”.

Người làm chứng:

- Ông Trần Văn T2, sinh năm 1955; trú tại: Thôn A, xã T3, huyện Th1, tỉnh Hải Dương “vắng mặt”.

- Ông Nguyễn Huy K, sinh năm 1964; trú tại: Thôn Đ1, xã Đ2, huyện P, tỉnh Hưng Yên “vắng mặt”.

- Bà Bùi Huyền N, sinh năm 1962; trú tại: Phường N1, quận C, Thành phố Hà Nội “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 26/5/2019, bà Bùi Thị H1 ở thôn Đ1, xã Đ2, huyện P, tỉnh Hưng Yên làm nghề bán hàng tạp hóa và tắm quất bấm huyết tại nhà; bà H1 đang ở nhà một mình thì có một khách quen là nam thanh niên đã đến nhà bà H1 tắm quất nhiều lần đi xe mô tô đến tắm quất, bà H1 không biết tên, tuổi, địa chỉ của nam thanh niên này. Đến khoảng 20 giờ 10 phút cùng ngày 26/5/2019 thì bà H1 tắm quất xong, người thanh niên trên trả công cho bà H1 100.000 đồng sau đó lấy xe mô tô đi ra khỏi nhà bà H1. Khoảng 5 phút sau người thanh niên vừa tắm quất tại nhà bà H1 quay lại nhà bà H1 lấy lý do để quên điện thoại và bảo bà H1 cùng vào phòng tắm quất để tìm điện thoại. Khi vào trong phòng thì người thanh niên này liền dùng súng điện không chế, chích điện vào vùng mặt, cổ bà H1 ép bà H1 đưa tiền; khi chưa lấy được tiền thì chiếc điện thoại của bà H1 nhãn hiệu OPPO F7 màu đỏ rơi ra người thanh niên nhặt lấy chiếc điện thoại, sau đó ra phòng khách lấy 01 túi xách bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số tiền 330.000 đồng và một số giấy tờ liên quan của bà H1.

Sáng sớm ngày 30/5/2019, ông Trần Văn T2 ở thôn A, xã T3, huyện Th1, tỉnh Hải Dương đi tập thể dục đã phát hiện và nhặt được 01 túi xách ở mố cầu A thuộc địa phận thôn A, xã T3, huyện Th1, tỉnh Hải Dương. Ông T2 kiểm tra túi xách da màu đen có kích thước (14 x 240)cm bên trong có: 01 giấy phép lái xe, 02 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô, 02 thẻ bảo hiểm y tế đều mang tên Bùi Thị H1, 01 chùm chìa khóa, 01 mảnh giấy có kích thước (4 x 10) cm ghi chữ Ngọc 0969301795 và 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Phạm Thị A1 (mẹ bà H1).

Cơ quan điều tra Công an huyện P đã thu thập được ảnh của Phạm Phú T ở thôn T1, xã Th, huyện Th1, tỉnh Hải Dương qua mạng xã hội, tiến hành cho bà H1 nhận dạng qua ảnh của T thì bà H1 đã nhận được Phạm Phú T nêu trên và khẳng định T chính là người đã dùng súng bắn điện không chế, gây thương tích và chiếm đoạt tài sản của bà H1.

Ngày 25/6/2019 Công an huyện P đã làm việc với Phạm Phú T, sinh năm 1989 ở thôn T1, xã Th, huyện Th1, tỉnh Hải Dương và thu giữ trên người T 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO F7 màu đỏ, 01 xe mô tô màu đen xám nhãn hiệu GALAXY biển số 34N7-0345.

Quá trình bắt và khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Phú T tại thôn T1, xã Th, huyện Th1, tỉnh Hải Dương cơ quan điều tra Công an huyện P thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, 01 hộp màu đen kích thước (15 x 20 x 10)cm bên trong có 03 cục bằng nhựa màu đen kích thước (6 x 5 x 3,5)cm, 01 dụng cụ bằng nhựa hình chữ “V” kích thước (10 x 8,5 x 5 x 3,5)cm, 01 áo phông cộc tay màu xám cổ tròn, 01 mũ bảo hiểm nửa đầu màu xanh không kính,

01 đăng ký mô tô, xe máy tên chủ xe Phạm Văn T4 có địa chỉ: C1, Th2, Hải Dương xe có nhãn hiệu GALAXY biển số 34N7-0345.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 22/2019/KL-HĐ ngày 27/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P, tỉnh Hưng Yên kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7 có số IMEI1: 869383035135714, số IMEI2: 869383035135706, màu đỏ, lắp sim số 0366472377 (điện thoại đã qua sử dụng) trị giá 3.500.000 đồng; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen loại bàn phím cơ (không rõ đời máy, điện thoại đã qua sử dụng) không có căn cứ định giá. Tổng giá trị tài sản là 3.500.000 đồng.

Kết luận giám định số: 4325/C09 (P3) ngày 13/8/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Các mẫu vật gửi giám định là súng bắn điện và các quả đạn điện, thuộc công cụ hỗ trợ. Cơ chế hình thành của súng bắn điện trên như sau: Lắp 01 quả đạn điện vào súng, bật công tắc trên súng lên chế độ phóng điện, bấm nút kích điện quả đạn được kích hoạt đẩy 02 cực nhọn mang theo dây dẫn găm vào mục tiêu gây điện giật.

Kết quả điều tra xác định: Do bản thân cần tiền để trả nợ nên vào chiều tối ngày 26/5/2019 sau khi đi làm về Phạm Phú T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bà H1 làm nghề tắm quất tại nhà ở Thôn Đ1, xã Đ2, huyện P, tỉnh Hưng Yên. T đã chuẩn bị súng bắn điện cho vào cốp xe mô tô nhãn hiệu GALAXY biển số 34N7-0345 và đi sang nhà bà H1 với mục đích cướp tài sản. Sau khi được bà H1 tắm quất bấm huyết xong, T trả bà H1 100.000 đồng tiền công rồi ra về. Khi đi qua C2 thuộc địa phận xã Đ2, huyện P khoảng 50m, T dừng xe mô tô lấy súng điện trong cốp xe cho vào túi quần và quay lại nhà bà H1 lấy lý do để quên điện thoại và bảo bà H1 đi cùng vào phòng tắm quất để tìm điện thoại. Khi bà H1 vừa mở cửa bước vào phòng thì T dí súng điện vào người bà H1, 01 tay ghì và đẩy bà H1 ngã ra giường, bà H1 hô hoán T tiếp tục dí súng điện vào người bà H1 rồi tỳ, đè và bịt miệng bà H1; lúc này chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO F7 màu đỏ của bà H1 rơi xuống nền nhà T lấy điện thoại cho vào túi rồi hỏi bà H1 nơi cất tiền. Bà H1 bảo tiền để ở tủ T tìm không có tiếp tục dọa bà H1 không nói sẽ chích điện tiếp nên bà H1 sợ bảo T tiền để trong túi xách để ngoài phòng khách. T khống chế bà H1 nằm ở giường trong phòng tắm quất và đi ra phòng khách lấy chiếc túi xách bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, 330.000 đồng và một số giấy tờ liên quan của bà H1 rồi ra ngoài sân lấy xe mô tô chạy thoát. Chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO F7 màu đỏ cướp được của bà H1 T giữ lại sử dụng; chiếc điện thoại di động Nokia màu đen đã cũ vỡ màn hình T mang vứt tại khu vực N2 thuộc địa phận thôn A, xã T3, huyện Th1, tỉnh Hải Dương cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

Đối với việc bà Bùi Thị H1 bị T chích điện, do thương tích không đáng kể, không phải đi viện điều trị nên bà H1 từ chối việc giám định tỷ lệ tổn hại sức khỏe và không có yêu cầu đề nghị gì.

Về vật chứng: Chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO F7 màu đỏ và chiếc túi xách màu đen, chùm chìa khóa và những giấy tờ tùy thân là tài sản hợp pháp của bà Bùi Thị H1 nên cơ quan điều tra đã trả lại cho bà H1. Các đồ vật, tài sản thu giữ khác gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, 01 áo phông cộc tay màu xám cổ tròn, 01 mũ bảo hiểm nửa đầu màu xanh không kính, 01 xe mô

tô nhãn hiệu GALAXY màu đen - xám biển số 34N7-0345, 01 hộp niêm phong bên trong 01 súng điện và 01 quả đạn điện là mẫu vật cơ quan giám định hoàn lại hiện đang quản lý tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện P và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 34N7-0345 đang quản lý tại hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 330.000 đồng trong túi xách, chiếc điện thoại Nokia đã cũ và số tiền 140.000 đồng trong sim điện thoại (đã mất) bị T chiếm đoạt, nay bà H1 không yêu cầu T phải bồi thường gì.

Tại Cáo trạng số: 23/CT-VKSPC ngày 27 tháng 9 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên truy tố Phạm Phú T về Tội cướp tài sản, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố hành vi phạm tội của bị cáo T theo nội dung bản cáo trạng; đồng thời đề nghị áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 168; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điều 106, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Phú T từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/6/2019; không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền.

Về vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen bên trong điện thoại có sim thuê bao số 0339356729 và 01 áo phong cộc tay màu xám cổ tròn, 01 mũ bảo hiểm màu xanh nửa đầu (các tài sản trên đã qua sử dụng) là tài sản hợp pháp của bị cáo T nên trả lại cho bị cáo.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu GALAXY màu đen - xám biển số 34N7-0345, số khung H8H000073, số máy 5AH000073 ông Phạm Phú Q khai là tài sản của mình nhưng không có căn cứ chứng minh; chiếc xe này bị cáo T sử dụng làm phương tiện đi thực hiện tội phạm, nên cần tịch thu cho phát mại sung quỹ Nhà nước

- 01 hộp niêm phong bên trong chứa 01 súng điện, 01 quả đạn điện đã qua sử dụng do cơ quan giám định hoàn lại cho tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo Phạm Phú T nhận tội, khai diễn biến hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo như hành vi của bị cáo đã bị Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố trong bản cáo trạng; bị cáo nhận thức rõ sai phạm xin giảm nhẹ hình phạt đến mức thấp nhất. Đối với chiếc xe mô tô GALAXY biển số 34N7-0345 là của bố bị cáo mua cho bị cáo đi làm, thỉnh thoảng bố bị cáo sử dụng nên đề nghị trả cho bố bị cáo; áo phong cộc tay và mũ bảo hiểm là đồ dùng của bị cáo xin được nhận lại.

Người có quyền lợi liên quan ông Phạm Phú Q và bà Bùi Thị H đều khai chiếc xe mô tô biển số 34N7-0345 là do ông Q mua của người không quen biết về cho T sử dụng đi làm và thỉnh thoảng ông Q sử dụng, nên xin được nhận tại để gia đình sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện là hoàn toàn hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của Phạm Phú T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trước cơ quan điều tra; đồng thời phù hợp khách quan với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Các chứng cứ đó là: Đơn tố cáo và lời khai của bị hại bà Bùi Thị H1 (bl 161 - 175), lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Phú Q, bà Bùi Thị H (bl 186 - 187, 194 - 197) và lời khai của các người làm chứng Trần Văn T2 (bl 176 - 177), Nguyễn Huy K (bl 180 - 181), Bùi Huyền N (bl 190 - 191), các dấu vết để lại tại hiện trường thể hiện trong biên bản khám nghiệm, sơ đồ, bản ảnh hiện trường; các vật chứng được thu giữ và kết luận định giá tài sản, kết luận giám định vật chứng, cùng các tài liệu có trong hồ sơ đã có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 20 giờ 15 phút ngày 26/5/2019, tại nhà bà Bùi Thị H1 ở thôn Đ1, xã Đ2, huyện P, tỉnh Hưng Yên bị cáo Phạm Phú T đã có hành vi sử dụng vũ lực và dùng súng điện để ôm, ghì đè bà H1 xuống giường, chích điện vào mặt, cổ của bà Bùi Thị H1 để chiếm đoạt tài sản của bà H1 gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F7 màu đỏ trị giá 3.500.000 đồng, 01 túi xách bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia trong sim có số tiền 140.000 đồng, tiền mặt trong túi xách 330.000 đồng và chìa khóa, một số giấy tờ liên quan của bà H1. Tổng giá trị tài sản Phạm Phú T đã chiếm đoạt được của bà Bùi Thị H1 là 3.970.000 đồng và một số giấy tờ, đồ vật không định giá.

[3] Bị cáo Phạm Phú T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo dùng vũ lực tấn công để chiếm đoạt tài sản của bà H1 trị giá 3.970.000 đồng một số giấy tờ, đồ vật không định giá nêu trên, đã có đủ dấu hiệu cấu thành Tội cướp tài sản theo quy định tại Điều 168 của Bộ luật hình sự. Khi thực hiện tội phạm, bị cáo T đã sử dụng súng điện là công cụ hỗ trợ, là loại phương tiện nguy hiểm để tấn công chiếm đoạt tài sản của bà H1, nên bị cáo T phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự định khung hình phạt là “Sử dụng phương tiện nguy hiểm”. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên truy tố Phạm Phú T về Tội cướp tài sản, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã phạm vào tội rất nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản và sức khỏe của người bị hại, đồng thời còn gây mất trật tự trị an xã hội và sự bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân tại địa phương. Bản thân bị cáo là thanh niên có sức khỏe nhưng không chịu lao động làm ăn chân chính mà vì động cơ vụ lợi bị cáo đã chiếm đoạt tài sản, mồ hôi công sức lao động của người khác để phục vụ cho lợi ích riêng của bị cáo. Vì vậy, cần xét xử vụ án nghiêm minh, áp dụng cho bị cáo một mức hình phạt thỏa đáng tương xứng với tính

chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra và cần cách ly khỏi đời sống xã hội để trừng trị, cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và làm bài học răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xét: Bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa đều có thái độ khai báo thành khẩn nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Do bị cáo T đã chiếm đoạt tài sản của bà H1 trị giá 3.970.000 đồng và 1 số đồ vật, giấy tờ không định giá, ngoài ra còn gây một số vết xây xước trên mặt, cổ nhưng bà H1 từ chối giám định tỉ lệ tổn hại sức khỏe, nên không áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tại phiên tòa.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, vợ con chưa có, sống phụ thuộc gia đình nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng phạt tiền.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bà Bùi Thị H1 bị T tấn công gây một số vết xây xước trên mặt, cổ nhưng bà H1 không phải đi bệnh viện điều trị và bà H1 mất một chiếc điện thoại Nokia đã cũ không định giá được, nay bà H1 không yêu cầu giải quyết về phần bồi thường trách nhiệm dân sự, nên bản án không xem xét giải quyết.

[6] Về vật chứng: - Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO F7 màu đỏ và chiếc túi xách màu đen, chùm chìa khóa và những giấy tờ tùy thân là tài sản hợp pháp của bà Bùi Thị H1, nên cơ quan điều tra đã trả cho bà H1 là đúng quy định của pháp luật.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen cũ bên trong điện thoại có sim số thuê bao 0339356729 và 01 áo phông cộc tay màu xám, 01 mũ bảo hiểm màu xanh đã cũ là tài sản hợp pháp của bị cáo không liên quan tội phạm nên trả lại cho Phạm Phú T.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu GALAXY màu đen - xám, biển số 34N7-0345 và 01 đăng ký xe mô tô biển số 34N7-0345 mang tên ông Phạm Văn T4, địa chỉ: C1, Th2, Hải Dương ông Phạm Phú Q bố bị cáo T tự nhận là tài sản của ông Q mua nhưng ông Q không đưa ra được căn cứ để chứng minh đó là tài sản của mình; mặt khác, chiếc xe mô tô này do bị cáo T sử dụng làm phương tiện để đi cướp tài sản của bà H1, nên cần phải tịch thu cho phát mại sung quỹ Nhà nước; không có căn cứ để trả lại cho gia đình ông Q.

- 01 hộp bên trong có chứa 01 súng điện và 01 quả đạn điện do cơ quan giám định hoàn lại không có giá trị, nên cho tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 330.000 đồng của bà H1 trong túi xách và 140.000 đồng có trong sim điện thoại Nokia của bà H1 do Tuyền chiếm đoạt sử dụng hết, nay bà H1 không yêu cầu nhưng các khoản tiền này do bị cáo T phạm tội mà có, nên cần truy thu của bị cáo và tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo Phạm Phú T là người bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Phú T phạm Tội cướp tài sản.

Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 136 của Bộ luật tố Tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Phạm Phú T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ là ngày 25/6/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Bùi Thị H1 không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại tổn hại sức khỏe và tiền mặt, tiền trong sim điện thoại, điện thoại Nokia nên bản án sơ thẩm không xem xét giải quyết.

Biện pháp tư pháp:

- Trả lại Phạm Phú T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã cũ bên trong điện thoại có sim số thuê bao 0339356729, 01 áo phông cộc tay màu xám cổ tròn cũ và 01 mũ bảo hiểm xanh nửa đầu cũ.

- Truy thu của bị cáo Phạm Phú T số tiền 330.000 đồng tiền mặt của bà H1 trong túi xách và 140.000 đồng có trong sim điện thoại Nokia của bà H1, cộng bằng 470.000đ, (bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) là tiền do bị cáo phạm tội mà có để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Tịch thu 01 xe mô tô nhãn hiệu GALAXY màu đen - xám, biển số 34N7-0345, số khung H8H000073, số máy 5AH000073 kèm theo 01 giấy đăng ký xe mang tên ông Phạm Văn T4, địa chỉ: C1, Th2, Hải Dương (được rút trong hồ sơ vụ án) cho phát mại sung quỹ Nhà nước.

- Tịch thu cho tiêu hủy 01 hộp được niêm phong bên trong có 01 súng điện và 01 quả đạn điện đã qua sử dụng do cơ quan giám định hoàn lại.

(Chi tiết số lượng, chất lượng, đặc điểm, tình trạng các vật chứng nêu trên được mô tả cụ thể tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/10/2019 giữa Công an huyện P và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P).

Án phí: Bị cáo Phạm Phú T phải chịu 200.000đ, (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bản án sơ thẩm xét xử công khai có mặt bị cáo, người có quyền lợi liên quan đến vụ án, vắng mặt bị hại; đã báo cho bị cáo, người có quyền lợi liên quan vụ án biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; báo cho bị hại biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo T;
- Người có QLLQ;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Phòng KTNV&THA-TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện P;
- CQĐT & VP CA huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Trần Đình Hiền

